

## PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

### PHẦN 1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

Tên thương mại	: Xăng không chì RON 92
Tên khác	: Mogas 92, xăng A92
Mục đích sử dụng	: Nhiên liệu cho các loại động cơ đánh lửa
Số CAS	: 86290-81-5
Số UN	: 1203
Số đăng ký EC	: 289-220-8
Số điện thoại khẩn cấp	: Tại NSRP: 02378738541/ Ext: 6700 hoặc 6701
Tên nhà sản xuất và địa chỉ	: Công ty TNHH Lộc Hóa dầu Nghi Sơn Khu kinh tế Nghi Sơn, xã Hải yến, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam. Số điện thoại: +84(0) 237 8738 540 Số fax: +84(0) 237 8738 542

### PHẦN 2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

#### Phân loại theo hệ thống GHS:

Chất lỏng dễ cháy	: Cấp 1
Kích ứng da	: Cấp 2
Nguy hại đến đường khí quản	: Cấp 1
Độc với sinh sản	: Cấp 2
Đột biến gen	: Cấp 1B
Gây ung thư	: Cấp 1B
Độc đối với một số cơ quan cụ thể- phơi nhiễm đơn	: Cấp 3
Độc cấp tính đối với môi trường thủy sinh	: Cấp 2
Độc mãn tính đối với môi trường thủy sinh	: Cấp 2

#### Hình đồ cảnh báo:

Từ cảnh báo: Nguy hiểm



#### Thông báo nguy hại

H224	: Hơi và chất lỏng cực kỳ dễ cháy
H304	: Có thể gây tử vong nếu nuốt phải hoặc đi vào được khí quản
H315	: Gây kích ứng da
H336	: Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt
H340	: Gây các dị tật di truyền
H350	: Có thể gây ung thư
H361	: Nghi ngờ gây hại cho khả năng sinh sản hoặc thai nhi
H401	: Độc cho các loài thủy sinh
H411	: Độc cho các loài thủy sinh với ảnh hưởng lâu dài

#### Thông báo phòng ngừa



P201	: Đọc kỹ hướng dẫn trước khi sử dụng
P210	: Tránh xa nhiệt, bề mặt nóng, tia lửa, ngọn lửa trần và các nguồn sinh nhiệt khác. Không hút thuốc
P240	: Có thiết bị tiếp đất đối với thùng chứa và thiết bị tiếp nhận
P241	: Sử dụng các thiết bị thiết kế chống cháy nổ
P242	: Chỉ sử dụng các thiết bị không phát sinh tia lửa
P243	: Phải có các biện pháp phòng ngừa phát tĩnh điện
P261	: Tránh hít phải bụi, khí, hơi của sản phẩm
P264	: Rửa tay kỹ lưỡng sau khi xử lý
P271	: Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở khu vực thông khí tốt
P273	: Tránh thải, rò rỉ ra môi trường
P280	: Trang bị đầy đủ đồ bảo hộ như kính bảo hộ, quần áo bảo hộ, kính che toàn mặt nếu cần, gang tay bảo hộ, giày bảo hộ đầy đủ.

#### Biện pháp ứng biến sự cố

P301+P310	: Nếu nuốt phải: Ngay lập tức tìm kiếm sự giúp đỡ từ y tế, bác sĩ, trung tâm phòng chống độc hại
P370+P378	: Trong trường hợp cháy, sử dụng phương tiện chữa cháy phù hợp để chữa cháy.

#### Lưu trữ

P403+P235	: Lưu trữ trong không gian thông gió tốt. Thoáng mát
P405	: Cất giữ khóa kín

#### Thải bỏ

P501	: Việc thải bỏ phải tuân thủ theo những quy định về thải bỏ chất thải của địa phương, quốc gia, quốc tế
------	---

### PHẦN 3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Tên hóa chất	Số CAS	Hàm lượng (% thể tích)
Xăng không chì RON 92	86290-81-5	100
Hợp chất olefin	-	≤ 38
Hợp chất thơm	-	≤ 40
Benzene	71-43-2	≤ 2,5

### PHẦN 4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU Y TẾ

<b>Tiếp xúc theo đường mắt</b>	: Đưa nạn nhân tới khu vực thoáng khí. Gỡ bỏ kính áp tròng nếu có để dễ dàng thực hiện. Nhanh chóng rửa mắt dưới vòi nước ít nhất 15 phút trong khi giữ mí mắt mở. Yêu cầu sự trợ giúp của nhân viên y tế.
<b>Tiếp xúc da</b>	: Ngay lập tức cởi bỏ quần áo, giày bị dính hóa chất và rửa sạch vùng da bị ảnh hưởng bằng xà phòng và nước ít nhất 15 phút. Giặt sạch quần áo và giày bị nhiễm hóa chất trước khi sử dụng lại.
<b>Tiếp xúc theo đường hô hấp</b>	: Di chuyển nạn nhân đến nơi không khí trong lành và để nằm nghỉ ở vị trí dễ thở. Nới lỏng cổ áo, cà vạt hoặc dây thắt lưng. Nếu nạn nhân ngừng thở, thở không đều hoặc khó thở thì thực hiện hô hấp nhân tạo (được thực hiện bởi nhân viên đã được đào tạo về Sơ cấp cứu ban đầu). Nhanh chóng yêu cầu sự trợ giúp của nhân viên y tế.





**Tiếp xúc theo đường tiêu hóa**

: Rửa sạch miệng cho nạn nhân. KHÔNG ĐƯỢC gây nôn mửa vì có thể gây hư phổi, trừ khi được sự hướng dẫn của nhân viên y tế. Nếu nôn mửa xảy ra tự nhiên cần giữ đầu của nạn nhân ở vị trí thấp để chất nôn không tràn vào phổi. Không được cho nạn nhân nuốt bất cứ thứ gì khi đã bất tỉnh. Nhanh chóng yêu cầu sự trợ giúp của nhân viên y tế.

**Chú ý**

: Người trợ giúp có thể gặp nguy hiểm khi tiến hành hô hấp nhân tạo. Yêu cầu sự trợ giúp của nhân viên y tế

**PHẦN 5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN**

**Các chất độc tạo ra khi cháy**

: Khí CO, CO<sub>2</sub>, các hydrocarbons, H<sub>2</sub>S và lượng ít kim loại

**Phương tiện chữa cháy thích hợp**

: CO<sub>2</sub>, hóa chất khô, nước dạng phun sương.

**Mối nguy có thể xảy ra khi chữa cháy**

: Hơi của sản phẩm nặng hơn không khí và có thể di chuyển xa khỏi nguồn rò rỉ. Nếu gặp nguồn lửa có thể gây cháy ngược đến nguồn phát tán. Xăng không chỉ khi cháy có thể nổi trên mặt nước.

**Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy**

: Thiết bị chữa cháy cố định, phương tiện ứng cứu sự cố, bình CO<sub>2</sub>. Mang đầy đủ thiết bị bảo vệ cá nhân và mặt nạ phòng độc hoặc bình dưỡng khí SCBA.

**PHẦN 6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ**

**Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố**

: Sử dụng trang thiết bị bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Cô lập khu vực xảy ra sự cố. Sơ tán những nhân viên không phận sự. Thông báo cho đội ứng phó tình huống khẩn cấp. Kiểm tra nồng độ khí cháy nổ ở khu vực xung quanh

**Cảnh báo, phòng ngừa về môi trường**

: Không được để hóa chất thoát vào môi trường. Tránh để hóa chất thấm vào lòng đất. Nếu sông, hồ, cống rãnh, mương thoát nước bị nhiễm hóa chất phải thông báo cho cơ quan chức năng

**Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố**

: Tránh hít phải hơi sản phẩm. Sơ tán nhân viên đến nơi an toàn. Loại bỏ tất cả các tia lửa, nguồn phát lửa

**PHẦN 7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN**

**Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm**

: Tránh để dưới ánh nắng mặt trời. Tránh hít phải hơi, bụi, sương của sản phẩm. Không hút thuốc – không có ngọn lửa trần. Kiểm tra độ tĩnh điện. Nghiêm cấm không ăn, uống và hút thuốc trong khu vực làm việc, giao nhận và kho chứa hóa chất. Tránh để hóa chất xâm nhập vào môi trường. Trang bị đầy đủ đồ bảo hộ khi tiếp xúc xử lý hóa chất. Rửa sạch tay và vệ sinh kỹ lưỡng sau khi làm việc xong.

**Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản**

: Tránh xa tia lửa, chất đánh lửa và nguồn dễ cháy. Thiết bị chứa phải đóng kín nắp. Bảo quản nơi thoáng gió, tránh ánh nắng mặt trời. Ghi nhãn rõ ràng, không tháo nhãn của thùng chứa. Thùng chứa rỗng có thể chứa hơi/khí dễ cháy nổ. Tránh tác động vật lý lên thùng chứa. Không hàn, cắt, khoan, mài thùng chứa. Sử dụng thùng chứa an toàn. Lắp đặt báo cháy tự động. Tuân thủ các quy định về an toàn của chính quyền địa phương.

**PHẦN 8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN**

**Các thông số kiểm soát**

**Tiêu chuẩn**

**Giá trị**

**Thông số kiểm soát**

ACGIH

TLV-TWA

300 ppm



ACGIH	TLV-STEL	500 ppm
OSHA PEL	PEL-TWA	300 ppm (900 mg/m <sup>3</sup> )
OSHA PEL	PEL-STEL	500 ppm (1500 mg/m <sup>3</sup> )
<b>Phương tiện bảo vệ cá nhân</b>		
<b>Bảo vệ mắt</b>	: Mang kính chống hóa chất.	
<b>Bảo vệ tay</b>	: Mang găng tay chống hóa chất.	
<b>Bảo vệ thân thể</b>	: Mặc đồ bảo hộ thích hợp.	
<b>Bảo vệ hô hấp</b>	: Sử dụng mặt nạ phòng độc hơi hữu cơ trong trường hợp nồng độ hóa chất được dự kiến vượt quá giới hạn tiếp xúc hoặc có mùi, gây kích ứng	
<b>Biện pháp bảo vệ cá nhân</b>	: Vòi tắm, bồn rửa mắt trong trường hợp khẩn cấp phải được lắp đặt gần khu vực làm việc với hóa chất. Thực hiện tốt vệ sinh cá nhân. Tránh để da tiếp xúc với hóa chất trong thời gian dài hoặc lặp lại nhiều lần. Rửa tay sạch trước khi ăn, uống, hút thuốc hoặc đi vệ sinh. Không sử dụng dung môi hoặc các chất tẩy rửa mạnh để rửa quần áo đã nhiễm hóa chất. Nhanh chóng cởi bỏ quần áo bị nhiễm hóa chất và giặt sạch trước khi tái sử dụng	

#### PHẦN 9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

<b>Trạng thái vật lý</b>	: Lỏng
<b>Điểm sôi (°C)</b>	: 30-210
<b>Màu sắc</b>	: Sáng, trong
<b>Điểm đóng rắn / Điểm nóng chảy (°C)</b>	: Không áp dụng
<b>Mùi</b>	: Đặc trưng của xăng
<b>Điểm chớp cháy (°C)</b>	: - 40
<b>Áp suất hơi (ở 37,8°C) (kPa)</b>	: 43-68
<b>Nhiệt độ tự cháy (°C)</b>	: 246-280
<b>Tỷ trọng hơi (Không khí =1)</b>	: Không có thông tin
<b>Giới hạn nồng độ cháy dưới</b>	: 1,2
<b>Giới hạn nồng độ cháy trên</b>	: 7,6
<b>Độ hòa tan trong nước</b>	: Không tan trong nước
<b>Độ pH</b>	: Không áp dụng
<b>Tỷ trọng (15,6°C/ 15,6°C)</b>	: 0,7 ~ 0,76
<b>Hệ số phân lớp Log Kow</b>	: Không có thông tin
<b>Hàm lượng Oxy (%khối lượng)</b>	: ≤ 2,7
<b>Độ nhớt động học (mm<sup>2</sup>/s)</b>	: Không áp dụng
<b>Ăn mòn tấm đồng (3 giờ, 50 °C)</b>	: Loại 1
<b>Hàm lượng nhựa (mg/ 100ml)</b>	: ≤ 5
<b>Hàm lượng lưu huỳnh (ppm khối lượng)</b>	: Mức 2 ≤ 500

#### PHẦN 10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

<b>Khả năng phản ứng</b>	
<b>Các chất không tương thích</b>	: Axit, chất oxy hóa mạnh





- Tính ổn định** : Sản phẩm này có tính ổn định ở điều kiện nhiệt độ, áp suất thường và điều kiện sử dụng đã được khuyến cáo
- Phản ứng nguy hiểm** : Ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh. Khi cháy sinh ra khí độc CO.
- Phản ứng phân hủy và sản phẩm độc của phản ứng phân hủy**: Cháy sinh nhiệt và sinh ra khí CO, CO<sub>2</sub>

#### PHẦN 11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

- Nhiễm độc đường miệng** : LD<sub>50</sub>: ≥ 14603 mg/kg  
: Loài: Chuột
- Nhiễm độc đường hô hấp** : LC<sub>50</sub>: ≥ 5,2 mg/kg  
: Loài: Chuột
- Nhiễm độc đường da** : LD<sub>50</sub>: ≥ 2000,375 mg/kg  
: Loài: Thỏ
- Ảnh hưởng mãn tính với người** : Có thể gây ung thư. Nguy cơ gây ung thư phụ thuộc vào nồng độ và thời gian tiếp xúc.
- Ảnh hưởng độc khác** : Không có thông tin

#### PHẦN 12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

##### Độc đối với sinh vật

Loại sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Cá (sheepshead minnos)	LC <sub>50</sub> (96h)	82 mg/l
Tảo	EL <sub>50</sub> (96h)	3,7 mg/l

**Mức độ phân hủy sinh học** : Sản phẩm phân hủy sinh học trong thời gian ngắn không gây nguy hiểm. Tuy nhiên, nếu sản phẩm phân hủy sinh học trong thời gian dài sẽ tăng tính độc hại.

**Khả năng tích lũy sinh học** : Không có thông tin

**Độ linh động trong đất** : Không có thông tin

#### PHẦN 13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

**Thông tin quy định tiêu hủy** : Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại

**Xếp loại nguy hiểm của chất thải** : Mã chất thải nguy hại: 170602. Tính chất nguy hại chính: C, Đ, ĐS(\*) theo Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

**Biện pháp tiêu hủy** : Sử dụng phương pháp đốt.

#### PHẦN 14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

**Quy định về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm của Việt Nam:**

**Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ:**

Tên vận chuyển: : Nhiên liệu động cơ

Số UN: : 1203

Loại: : 3



**Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa:**

Tên vận chuyển: : Nhiên liệu động cơ

Số UN: : 1203

Loại: : 3

Phương tiện vận chuyển: : Tàu biển

**Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Quốc tế:**

**Quy định vận chuyển hàng hóa nguy hiểm Châu Âu bằng đường bộ**

Tên vận chuyển: : Gasoline

Số UN: : 1203

Loại: : 3

Quy cách đóng gói: : II

**Quy định vận chuyển hàng hóa nguy hiểm Úc bằng đường bộ**

Tên vận chuyển: : Gasoline

Số UN: : 1203

Loại: : 3

Quy cách đóng gói: : II

**Quy định về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm quốc tế bằng đường biển (IMDG)**

Tên vận chuyển: : Gasoline

Số UN: : 1203

Loại: : 3

Quy cách đóng gói: : II

Phương tiện vận chuyển: : Tàu biển

## PHẦN 15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

**Quy định pháp luật Việt Nam**

**Luật số 06/2007/QH12** : Luật Hóa chất

**Luật số 27/2001/QH10** : Luật phòng cháy chữa cháy

**Luật số 52/2005/Q11** : Luật bảo vệ môi trường.

**Luật số 10/2012/QH13** : Luật lao động

**Nghị định 113/2017/NĐ-CP** : Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

**Nghị định 104/2009/NĐ-CP** : Quy định về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm

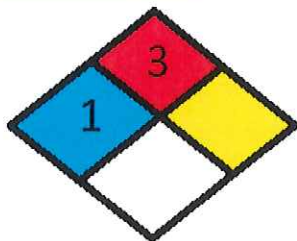
**Thông tư 32/2017/TT-BCT** : Quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất và nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

**Thông tư 44/2012/TT-BCT** : Quy định danh mục hàng công nghiệp nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.

**TCVN 5507:2002** : Hóa chất nguy hiểm – Quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển.

**Quy định của Quốc tế** : Không có thông tin

PHẦN 16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC



Mức nguy hại sức khỏe: 1

Mức độ khả năng cháy: 3

Mức độ khả năng phản ứng: không xác định

**Hiệp hội phòng cháy chữa cháy quốc gia Hoa Kỳ (NFPA)**

**Lưu ý**

Thông tin trên phiếu an toàn hóa chất này dựa trên kiến thức hiện tại của chúng tôi tại thời điểm soạn thảo và chỉ nhằm mục đích mô tả sản phẩm cho các mục đích về sức khỏe, an toàn và các yêu cầu về môi trường. Vì vậy, nó không được coi là một sự bảo đảm hoặc thông số kỹ thuật chất lượng của sản phẩm.